



## Tình trạng dinh dưỡng của sinh viên năm nhất Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa năm học 2023 - 2024

Nguyễn Thành Chung<sup>1</sup>, Trần Ngọc Anh<sup>1</sup>, Nguyễn Diệp Anh<sup>1</sup>,  
Nguyễn Thúy Quyên<sup>1</sup>, Nguyễn Hoàng Lan<sup>1</sup>  
<sup>1</sup>Phân hiệu trường Đại học Y Hà Nội

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả tình trạng dinh dưỡng của sinh viên năm nhất Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2023 - 2024. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 147 sinh viên năm nhất trong chương trình khám sức khỏe đầu năm học tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, tình trạng dinh dưỡng đo lường thông qua chỉ số khối cơ thể (Body Mass Index- BMI), phân loại theo thang phân loại của Hiệp hội đái đường các nước châu Á (IDI & WPRO). **Kết quả:** Chiều cao và cân nặng trung bình tương ứng ở nam sinh viên là  $169,74 \pm 6,46$  cm;  $68,74 \pm 14,1$  kg và ở nữ là  $157,12 \pm 5,32$  cm ;  $50,32 \pm 7,7$  kg. Tỷ lệ thiếu năng lượng mạn tính của sinh viên là 23,81%; trong đó 8% ở nam; 31,96% ở nữ, 28,57% sinh viên thừa cân, trong đó 50% thừa cân ở nam; 17,52% thừa cân ở sinh viên nữ. **Kết luận:** Nghiên cứu này sẽ góp phần xây dựng chiến lược dinh dưỡng và sức khỏe sinh viên hiệu quả tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe của sinh viên trong quá trình học tập.

**Từ khoá:** Tình trạng dinh dưỡng, sinh viên, béo phì, thiếu năng lượng trường diễn

## Nutritional status of first-year students at Hanoi Medical University - Thanh Hoa Campus in the 2023 - 2024 academic year

Nguyen Thanh Chung<sup>1</sup>, Tran Ngoc Anh<sup>1</sup>, Nguyen Diep Anh<sup>1</sup>,  
Nguyen Thuy Quyên<sup>1</sup>, Nguyen Hoang Lan<sup>1</sup>  
<sup>1</sup>Hanoi Medical University - Thanh Hoa Campus

### ABSTRACT

**Objective:** To describe the nutritional status of first-year students at Hanoi Medical University - Thanh Hoa Campus the 2023 - 2024 academic year. **Method:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 147 first-year students during the annual health check-up at Hanoi Medical University - Thanh Hoa Campus, with nutritional status measured through the Body Mass Index (BMI); classified according to the Asian Diabetes Association (IDI & WPRO) classification scale. **Results:** The average height and weight of male students were  $169.74 \pm 6.46$  cm and  $68.74 \pm 14.1$  kg, respectively, and for female students were  $157.12 \pm 5.32$  cm and  $50.32 \pm 7.7$  kg. The rate of chronic energy deficiency among students was 23.81%; including 8% of males and 31.96% of females. The rate of overweight students was 28.57%, with 50% of males and 17.52% of females. **Conclusion:** This study will contribute to the development of effective nutrition and health strategies for students at Hanoi Medical University - Thanh Hoa Campus, improving the quality of life and health of students during their studies.

**Keywords:** Nutritional status, students, obesity, chronic energy deficiency

Tác giả: Nguyễn Thành Chung  
Email: nguyenthanchung@hmu.edu.vn  
DOI: 10.54436/jns.2024.05.871

Ngày nhận bài: 17/8/2024  
Ngày hoàn thiện: 07/10/2024  
Ngày đăng bài: 08/10/2024

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Theo báo cáo y tế dinh dưỡng toàn cầu (GNR) có khoảng 48% dân số toàn cầu hiện nay ăn quá ít hoặc quá nhiều dẫn đến tình trạng nhẹ cân hoặc béo phì<sup>1</sup>. Ở Việt Nam theo công bố kết quả tổng điều tra dinh dưỡng của Bộ Y tế năm 2019 - 2020, lứa tuổi học đường 5 - 19 tuổi tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi là 14,8%, tỷ lệ thừa cân béo phì từ 8,5% (2010) lên thành 19% năm 2020, nhất là ở khu vực thành thị<sup>2</sup>. Ở lứa tuổi từ 18 đến 25, cũng là lứa tuổi cần quan tâm về dinh dưỡng, đây là lứa tuổi vừa bước chân từ trung học sang đại học. Đa phần các em sống xa gia đình vì vậy còn nhiều bỡ ngỡ, đặc biệt là các em sinh viên năm nhất có những lối sống và ăn uống không khoa học do vậy có thể dẫn đến tình trạng thừa cân béo phì hoặc thiếu cân.

Trên thế giới có nhiều tác giả nghiên cứu về tình trạng dinh dưỡng sinh viên. Nghiên cứu Xiao-ting Zhong và cộng sự (2019) trên 263 sinh viên tại một trường cao đẳng y tế ở Quảng Châu, Trung Quốc cho thấy tỷ lệ thiếu năng lượng mạn tính (CED) là 25,5% và thừa cân béo phì 11,8%, hành vi ăn kiêng có liên quan đến tình trạng thiếu năng lượng mạn tính, thừa cân, béo phì<sup>3</sup>. Ở Việt Nam, vấn đề này cũng được quan tâm nhiều gần đây, theo tác giả Nguyễn Thị Hải Yến (2023) nghiên cứu trên 512 sinh viên trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, có tới 21,8% sinh viên thiếu năng lượng mạn tính, tỷ lệ thừa cân, béo phì lần lượt là 4,4% và 1,4%<sup>4</sup>.

Chế độ dinh dưỡng ảnh hưởng lớn đến cả sức khỏe thể chất và tinh thần của sinh viên. Với tầm quan trọng của tình trạng dinh dưỡng của sinh viên hiện nay, việc tìm hiểu về chế độ dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của sinh viên năm nhất tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội là rất cần thiết.

Do đó nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu mô tả tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của sinh viên năm nhất tại Trường Đại học Y Hà Nội - Phân hiệu Thanh Hóa.

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP**

### **Đối tượng nghiên cứu**

*Tiêu chuẩn lựa chọn:* Sinh viên điều dưỡng và y khoa năm nhất tham gia chương trình khám sức khỏe đầu năm của Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023-2024.

*Tiêu chuẩn loại trừ:* Sinh viên tham gia chương trình khám sức khỏe đầu vào nhưng từ chối tham gia nghiên cứu.

### **Thời gian và địa điểm nghiên cứu:**

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023 tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, Thanh Hóa.

### **Thời gian tiến hành thu thập mẫu:**

Ngày 14/10/2023 tại chương trình “Khám sức khỏe cho sinh viên nhập học” tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội,

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

**Cỡ mẫu:** Chọn mẫu thuận tiện, lấy mẫu toàn bộ sinh viên đủ tiêu chuẩn lựa chọn trong ngày 14/10/2023 tại chương trình “Khám sức khỏe cho sinh viên nhập học” tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, thực tế chúng tôi thu thập được 147 sinh viên đạt tiêu chuẩn.

**Chỉ số/ biến số nghiên cứu:** Tình trạng dinh dưỡng được thông qua tiêu chuẩn đánh giá BMI (Body Mass Index) phân loại theo thang phân loại của Hiệp hội đái đường các nước châu Á (IDI & WPRO)<sup>5</sup>.

- + CED độ 3: BMI < 16
- + CED độ 2: BMI 16 - 16,99
- + CED độ 1: BMI 17 - 18,49
- + Bình thường: BMI 18,5 - 22,99

- + Thừa cân: BMI 23 -24,99
- + Béo phì độ 1: BMI 25 -29,99
- + Béo phì độ 2: BMI >30.

### Bộ công cụ nghiên cứu

Bộ câu hỏi gồm 2 phần:

- Phần 1: Thông tin của đối tượng nghiên cứu: Họ tên, giới tính, năm sinh, dân tộc, số điện thoại, thuộc khu vực sống (Khu vực I: Miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo; Khu vực II: Nông thôn, thị xã, thị trấn; Khu vực III: Thành thị, các thành phố lớn)

- Phần 2: Ghi lại kết quả khám chiều cao và cân nặng của đối tượng.

**Xử lý và phân tích số liệu:** Sau khi

### KẾT QUẢ

thu thập, số liệu được làm sạch, nhập bằng phần mềm Excel, phân tích bằng phần mềm STATA 16, số liệu định lượng được xử lý bằng các phương pháp thống kê: tính tần suất, tỷ lệ phần trăm, test kiểm định Fisher.

**Đạo đức nghiên cứu:** Nghiên cứu đã được thông qua Phòng Quản lý Đào tạo Phân hiệu Thanh Hóa. Trước khi tham gia nghiên cứu, tất cả các đối tượng nghiên cứu sẽ được cung cấp thông tin rõ ràng liên quan đến mục tiêu và nội dung nghiên cứu. Đối tượng tự nguyện tham gia vào nghiên cứu được quyền dừng hoặc rút khỏi nghiên cứu. Các thông tin thu thập được tất cả các đối tượng chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và hoàn toàn được giữ bí mật.

**Bảng 1. Thông tin của đối tượng nghiên cứu (n = 147)**

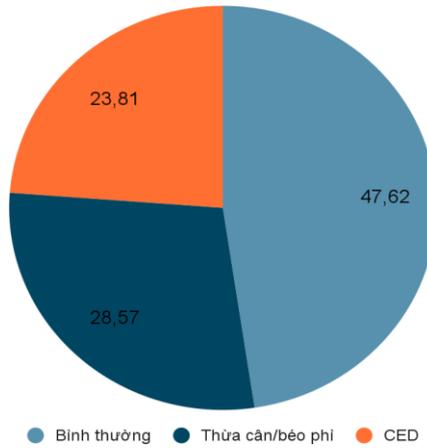
Đặc điểm		n	%
Giới tính	Nam	50	34,01
	Nữ	97	65,99
Khu vực sống	Khu vực I	33	22,45
	Khu vực II	96	65,31
	Khu vực III	18	12,24

Nghiên cứu được tiến hành trên 147 sinh viên năm nhất đang theo học tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, trong đó số sinh viên nữ chiếm phần lớn với 65,99%, nam chiếm tỷ lệ 34,01%. Khu vực sống của sinh viên chiếm lần lượt là khu vực II chiếm 65,31%, khu vực I là 22,45% và khu vực III là 12,24%.

**Bảng 2. Đặc điểm nhân trắc học của sinh viên năm nhất Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2023 – 2024 (n = 147)**

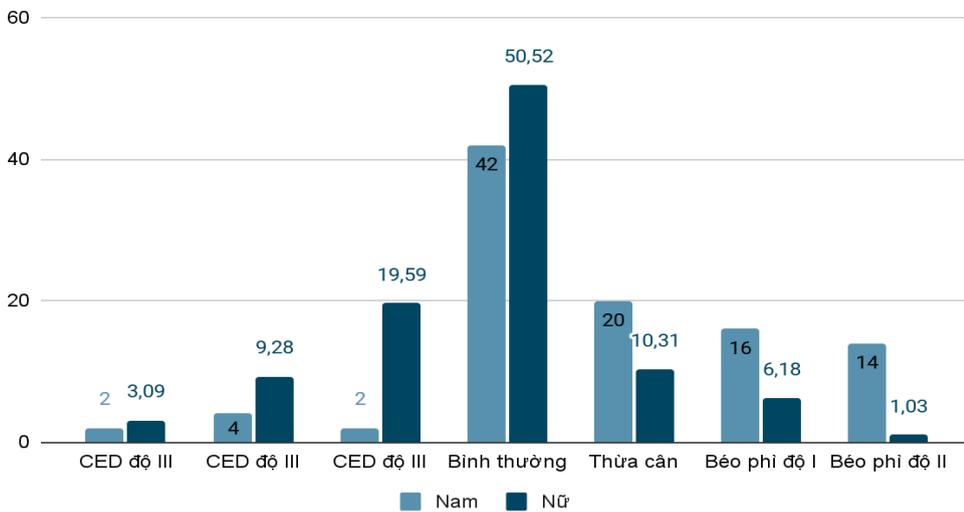
Yếu tố đánh giá	Nam (n = 50)		Nữ (n = 97)		Chung (n = 147)
	Min - Max	Mean ± SD	Min - Max	Mean ± SD	Mean ± SD
Chiều cao (cm)	158 - 185	169,74 ± 6,46	144 - 180	157,12 ± 5,32	161,41 ± 8,28
Cân nặng (kg)	41 - 97	68,74 ± 14,10	38 - 88	50,22 ± 7,70	56,51 ± 3,54
BMI	15,9 - 34,1	22,85 ± 4,64	14,2 - 30,2	20,35 ± 3,06	21,61 ± 4,26

Chiều cao của nam sinh viên  $169,74 \pm 6,46$  cm, nữ sinh viên  $157,12 \pm 5,32$  cm. Cân nặng của nam là  $68,74 \pm 14,10$  kg, nữ là  $50,22 \pm 7,70$  kg.



**Biểu đồ 1. Phân loại tình trạng dinh dưỡng sinh viên năm nhất Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2023 – 2024 (n = 147)**

Nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ thiếu năng lượng mạn tính của sinh viên năm nhất là 23,81%; 28,57% sinh viên thừa cân-béo phì; 47,62% sinh viên có tình trạng dinh dưỡng bình thường.



**Biểu đồ 2. Tình trạng dinh dưỡng sinh viên năm nhất Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2023 - 2024 theo giới tính (n = 147)**

Tỷ lệ sinh viên nữ có tình trạng dinh dưỡng bình thường (50,52%) cao hơn sinh viên nam (42%). Tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn độ 1, 2 và 3 ở nữ (lần lượt là 3,09%, 9,28% và 19,59%) cao hơn ở sinh viên nam (lần lượt là 2%, 4% và 2%). Tỷ lệ sinh viên nam thừa cân (20%), béo phì độ I (16%), béo phì độ II (14%) cao hơn với tỷ lệ tương ứng ở nữ giới (lần lượt là 10,31%, 6,18% và 1,03%).

**Bảng 3. Mối liên quan giữa tình trạng dinh dưỡng và giới tính của sinh viên năm nhất Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội**

Kết quả	Nam (n = 50)		Nữ (n = 97)		p
	n	%	n	%	
Thiếu năng lượng trường diễn (CED)	4	8	31	31,96	p < 0,001
Bình thường	21	42	49	50,52	
Thừa cân, béo phì	25	50	17	17,53	

Sinh viên nam tỷ lệ thừa cân - béo phì nhiều hơn nữ, ngược lại sinh viên nữ có tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn nhiều hơn. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,01$ .

### BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành trên 147 sinh viên năm nhất đang theo học tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, trong đó số sinh viên nữ chiếm phần lớn với 65,99%, nam chiếm tỷ lệ 34,01%. Theo dữ liệu thống kê từ các năm gần đây, tỉ lệ giới tính của sinh viên năm nhất tại Trường Đại học Y Hà Nội thường cho thấy sự chênh lệch rõ rệt giữa nam và nữ sinh viên. Cụ thể, nữ sinh viên chiếm đa số trong các khóa học. Trong năm học 2021-2022, tỷ lệ sinh viên nam chiếm 31,5%, sinh viên nữ chiếm 68,5%<sup>6</sup>.

Chiều cao trung bình của sinh viên nam (169,74 cm) và sinh viên nữ (157,12 cm) theo học tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội đều cao hơn so với chiều cao của thanh niên Việt Nam được Bộ Y Tế công bố năm 2020<sup>7</sup>. Trong đó nam thanh niên có chiều cao là 168,1cm và nữ thanh niên là 156,2 cm. Kết quả này tương đồng với tác giả Hoàng Thị Ngọc Linh về tình trạng dinh dưỡng trên sinh viên năm nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm 2020, chiều cao của sinh viên nam (169,8) và sinh viên nữ (156,7) đều cao hơn so với chiều cao của thanh niên Việt Nam<sup>7</sup>. Trong nghiên cứu của chúng tôi, cân nặng của sinh viên nam là  $68,74 \pm 14,10$  kg, sinh viên nữ là  $50,22 \pm 7,70$  kg,

cao hơn so với nghiên cứu của Hoàng Thị Ngọc Linh và cộng sự trong đó cân nặng của nam sinh viên là  $60,5 \pm 11,3$ kg, nữ sinh viên là  $47,9 \pm 6,1$  kg<sup>6</sup>.

Kết quả đánh giá tình trạng dinh dưỡng của sinh viên cho thấy, tỷ lệ sinh viên thiếu năng lượng trường diễn (CED) là 23,81%, trong đó tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn của nữ (31,96%) cao hơn của nam (8%). Kết quả này cao hơn nghiên cứu của tác giả Vũ Quang Thắng về tình trạng dinh dưỡng trên sinh viên năm nhất trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2022 (23,4%), và thấp hơn so với nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Ngọc Linh (31%)<sup>7,8</sup>. Ngoài ra tỷ lệ sinh viên thừa cân béo phì cao (28,57%), đặc biệt ở nam sinh viên (50%), cao gần gấp 3 lần nữ sinh viên (17,52%). Tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của tác giả Nguyễn Lê Ánh Hồng trên sinh viên y tế công cộng trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2021 (20%), tác giả Hoàng Thị Phương Linh (6,7%), tác giả Vũ Quang Thắng (6,3%)<sup>6,8,9</sup>. Các kết quả đều cho thấy rằng thừa cân béo phì và thiếu năng lượng trường diễn đều là tình trạng phổ biến của sinh viên. Tỷ lệ sinh viên có BMI ở mức bình thường của sinh viên Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội chiếm tỷ lệ (47,62%), trong khi đó tổng số sinh viên có tình trạng thiếu năng lượng trường

diễn và thừa cân béo phì là 52,38%. Do đó cần có những biện pháp có thể cải thiện tình trạng dinh dưỡng của sinh viên.

## KẾT LUẬN

Chiều cao và cân nặng trung bình tương ứng ở nam sinh viên là  $169,74 \pm 6,46$  cm;  $68,74 \pm 14,1$ kg và ở nữ là  $157,12 \pm 5,32$  cm ;  $50,32 \pm 7,7$ kg. Tỷ lệ thiếu năng lượng trường diễn của sinh viên là 23,81%; trong đó 8% ở nam; 31,96% ở nữ, 28,57% sinh viên thừa cân, trong đó 50% ở nam; 17,52% ở sinh viên nữ.

Bằng cách tập trung vào các khía cạnh như việc tăng cường giáo dục dinh dưỡng, khuyến khích thói quen ăn uống lành mạnh, và thúc đẩy hoạt động thể chất, Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội có thể tạo ra môi trường hỗ trợ sức khỏe tốt nhất cho sinh viên. Nghiên cứu này sẽ góp phần xây dựng chiến lược dinh dưỡng và sức khỏe sinh viên hiệu quả tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội, nâng cao chất lượng cuộc sống và sức khỏe của sinh viên trong quá trình học tập.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. Báo cáo dinh dưỡng toàn cầu năm 2021: Tình hình dinh dưỡng toàn cầu - Thế giới | ReliefWeb. November 24, 2021. Accessed September 10, 2024. <https://reliefweb.int/report/world/2021-global-nutrition-report-state-global-nutrition>.

2. Bộ Y Tế, 2022. Quyết định 1294/QĐ-BYT 2022 Kế hoạch hành động Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng.

3. Wang C, Xu J, Yang L, et al. Prevalence and risk factors of chronic obstructive pulmonary disease in China (the China Pulmonary Health [CPH] study): a national cross-sectional study. *Lancet Lond Engl*. 2018;391(10131):1706-1717. doi:10.1016/S0140-6736(18)30841-9.

4. Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Thủy. Tình trạng dinh dưỡng của sinh viên y khoa năm cuối tại trường đại học y dược thái nguyên và một số yếu tố liên quan. *TNU J Sci Technol*. 2023;228(05):122-128. doi:10.34238/tnu-jst.6942.

5. Pan WH, Yeh WT. How to define obesity? Evidence-based multiple action points for public awareness, screening, and treatment: an extension of Asian-Pacific recommendations.

6. Hoàng Thị Linh Ngọc, Nguyễn Thị Thanh Hòa, Lê Thị Hương. Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của sinh viên Y1 Trường Đại học Y Hà Nội. *Tạp Chí Nghiên Cứu Học*. 2021;146(10):192-197. doi:10.52852/tencyh.v146i10.335.

7. Bộ Y tế. Tổng điều tra Dinh dưỡng năm 2019-2020.

8. Nguyễn Lê Ánh Hồng, Đỗ Nguyễn Thanh Thanh, Trần Ngọc Tú, et al. Khảo sát tình trạng thừa cân, béo phì và một số yếu tố liên quan trên sinh viên khoa y tế công cộng, trường đại học y dược cần thơ năm 2021. *Tạp Chí Dược Học Cần Thơ*. 2023;(61):246-252. doi:10.58490/ctump.2023i61.676.

9. Vũ Quang Thắng, Hoàng Thị Huệ Anh, Nguyễn Minh Ngọc, Nguyễn Thị Thắm, Nguyễn Thị Thùy Linh. Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của sinh viên Y đa khoa năm nhất trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2022. *Tạp Chí Học Dự Phòng*. 2023;33(1 Phụ bản):18-18. doi:10.51403/0868-2836/2023/985.